

# THƯỢNG THƯ LÊ KÍNH

■ Nguyễn Tâm Cần  
*Hội Văn nghệ dân gian Nghệ An*

Lê Kính (1587-1659), thụy là Đức Trọng, tự là Cương Thiện tiên sinh, là con trai cụ Lê Đậu Nghiệm, mẹ người họ Nguyễn, thuộc đời thứ sáu họ Lê Văn ở ấp Tràng Sơn, xã Quan Trung, huyện Đông Thành (nay là làng Tràng Sơn, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An). Nhà nghèo lại mồ côi cha từ nhỏ, không có ruộng cày, mẹ con dựng túp lều tranh gần đền Sơn, sống bằng nghề kiếm củi, bán cháo, bán nước bên vệ đường. Gia phả họ Lê Văn được viết từ thế kỷ 19, có chép giai thoại: Thuở ấy, có ông thầy địa lý người Tàu (Trung Hoa) đem theo một người học trò, trời chiều vào quán ăn cháo và hỏi đường đi vào các làng phía trong. Vì trời sắp tối, đường qua rừng rú rậm rạp, hai người đành xin trọ lại quán bà. Sáng hôm sau, khách dậy đi sớm, bỏ quên một túi bạc, bà chủ lấy cất vào rương. Hai người khách đi đến nửa đường sực nhớ liền trở lại, bà đem trả nguyên túi bạc. Thầy địa lý xin biểu bà một phần nhưng bà không chịu nhận. Ông khách coi đó là một “cử chỉ đạo nghĩa”, bèn hứa sẽ tìm một nơi đất tốt táng mộ để trả ơn. Bà mẹ nói:

- Nhà tôi nghèo thế này có gì mà làm phiền tới ngài.

Thầy địa lý phải bàn mãi bà mới chịu. Sau đó, bà cùng hai người ăn xin thường trọ ở quán bà đi tới xứ Đuôi Leo. Tới nơi, thầy địa lý trông thấy cát địa, liền bảo mọi người rằng:

- Đất này trời đã cho sẵn, hướng Tây có cây bút (tức lèn Kim Nhan, ở huyện Anh Sơn) từ xa chiếu tới. Hiện nay, trên núi Bồ Sơn (động Tù Và) phía Nam làng Nam Thôn có một huyệt: hai người học trò đỡ đôi vai, ở giữa là bậc văn nho, chôn vào huyệt này sẽ phát phúc mau chóng.

Chiều hôm đó, họ đã cất mộ ông để đúng vào dằm đất. Khi mang hài cốt lên núi Bồ Sơn, bà không đi được, con thì còn nhỏ. Lúc sửa mộ xong, thầy trò ông thầy địa lý bỏ đi đường nào không rõ. Làm xong việc, hai người hành khát trở về, bà hỏi thì hai người này chỉ tay vào núi

Bồ Sơn mà nói: mộ ở trong rú (núi) ấy.

Mấy năm sau có một người đàn ông, người họ Nguyễn, ở xã Văn Tự đi qua, dừng lại uống nước, ngồi chơi. Thấy một người phụ nữ tàn tật, chân đi nhắc đến nói chuyện với bà mẹ và có vẻ cảm ơn cậu bé hôm qua đã mang hộ chị bao gạo từ chợ Khe (chợ Bộng) về nhà. Nhìn cậu bé khôi ngô, tuấn tú, dễ thương, ông khách nói vui:

- *Thằng bé này còn ít tuổi mà hay đi chợ.*

Không ngờ chú bé đáp lại ngay:

- *Thì ông cũng hay đi chợ.*

- *Tại sao cháu biết?*

- *Ông có hay đi chợ mới gặp cháu và biết cháu đi chợ chứ.*

Nghe câu trả lời có lý ở một đứa bé chưa đầy mười tuổi, chỉ mặc chiếc quần đùi, ông liền hỏi thăm hoàn cảnh, vài nét giới thiệu về mình và ngỏ lời xin đưa cậu về nuôi. Bà mẹ ngồi nghe câu chuyện thấy ông khách là người sang trọng, nhân từ, lại ở gần, trong bụng đã mừng thầm, bèn trả lời:

- *Cháu được ở với ông bà là phúc cho nó. Tôi chỉ mong khi đến tuổi, ông cho nó đi học ít chữ để về sau còn biết cúng giỗ cha, giỗ ông.*

- *Bà cứ yên tâm, tôi nuôi thầy đồ trong nhà, nếu cháu sáng dạ thì việc học hành của cháu chẳng có gì khó khăn.*

Đến nhà chủ mới, lúc đầu cậu bé chỉ giúp việc điều đóm trong nhà. Nhưng rồi nhiều lần thấy cậu cứ đứng hỏi lâu chăm chú lắng nghe thầy giáo giảng bài, cùng với việc thầy đồ đã có lần khuyên nên cho cậu bé đi học. Một hôm, nhân gặp cậu đang

đứng nghe, hỏi thử mấy câu, thấy cậu trả lời được, ông chủ liền hỏi:

- *Con có thích đi học không?*

- *Dạ thưa ông! Con muốn xin ông cho con đi học ạ.*

Từ đó, ông quyết định cho đưa con nuôi theo học cùng với con mình và bốn, năm đứa trẻ trong họ nhiều hơn vài ba tuổi. Vốn thông minh, ham học, lại thường được nghe thầy giáo kể về những tấm gương cần mẫn, vượt khó học tập ở bên Tàu như Tô Tàn thời Chiến Quốc<sup>(1)</sup>, Khuông Hành thời Tây Hán<sup>(2)</sup>, Vương Sung thời Đông Hán<sup>(3)</sup>... cậu càng say mê, quyết chí học hành.

Năm Nhâm Tý (1612), kỳ thi Hương ở trường Nghệ, Lê Kính đã đỗ Hương cống, làm cả nhà và dòng họ rất mừng. Còn dân Trảng Sơn thì coi ông là người khai khoa cho làng.

Sau khi thi đỗ, theo lời khuyên của thầy giáo, cha nuôi vẫn cho ông tiếp tục dùi mài kinh sử và giúp thầy dạy học trò lớp sau. Ông còn được gửi đi học với giám sinh Nguyễn Đại Đức, người xã Vân Tụ, một thầy giáo nổi tiếng đương thời. Người cha nuôi đã không câu nệ lễ giáo phong kiến, gả con gái cho ông và giúp dựng nhà cửa ở quê nhà. Đến khoa thi Mậu Thìn (1628), niên hiệu Vĩnh Tộ 10, triều vua Lê Thần Tông, ông đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân (xếp thứ 9 trong 14 người cùng đỗ Đệ tam giáp), năm đó ông đã ngoài 40 tuổi. Có một giai thoại kể rằng, từ trường thi Hội này, đang thi có người bạn ở lều bên cạnh bị ngộ gió nặng. Nhờ đưa thuốc đi theo, ông đã cứu được người bạn đó, đồng thời đã “gà bài” cho bạn và khoa ấy cả hai người đều đỗ Tiến sĩ.

Sau khi thi đỗ đại khoa, ông Kính được bổ làm Giám sát ngự sử đạo Kinh Bắc, rồi thăng tiếp Binh khoa cấp sự trung. Hai năm sau lại được thăng Hộ bộ cấp sự trung. Năm 1638, được thăng Phó đô ngự sử và đến năm Nhâm Ngọ (1642), vâng lệnh Nhà vua ông đã đi công cán tại đạo Quảng Nam tuyên dụ nhân dân. Trong chuyến đi này, ông đã dành nhiều thời gian xuống các phủ, huyện, trực tiếp gặp gỡ các quan lại địa phương, góp

phần ổn định đời sống nhân dân và xây dựng lòng tin đối với triều đình nhà Lê. Khi về được thăng Công bộ Thượng thư tước hầu và đến năm Đinh Hợi (1647) lại được chuyển qua Binh bộ Thượng thư tước Thạc Đình hầu.

Năm Kỷ Hợi (1659), khi tuổi đời đã cao, ông về nghỉ hưu tại ấp Trảng Sơn. Là người trưởng thành từ gian khó, mang nặng tình nghĩa với quê hương, trở về quê, ông đã bỏ tiền của giúp đỡ nhân dân Trảng Sơn khai phá các cánh đồng phía Tây Rú Bạc mà hồi đó còn hoang vu, tổ chức đắp đập Khe Cát lấy nước, tưới tiêu cho đồng ruộng... Đồng thời, mở các lớp học, chăm lo việc học hành cho con em trong vùng. Mấy năm sau, khi có dịp sang chơi miền Công Trung, xã Trảng Thành, thấy vùng đất rộng bằng phẳng còn hoang hóa, theo đề nghị của quan chức địa phương, ông đã đứng ra chiêu mộ dân nghèo trong vùng khai khẩn đất hoang, lập nên trang Tích Công, sau này gọi là làng Công bên bờ sông Dinh, nay thuộc xã Tăng Thành, huyện Yên Thành. Do đó đến khi mất, ông được dân làng này tôn là Thành hoàng và lập đền thờ.

Là quan Thượng thư nhưng khi về hưu, cụ Lê Kính vẫn sống hòa đồng, gần gũi với mọi người. Có lần, một thầy đồ đi qua làng, gặp ông nhờ chỉ lối đi lên làng Chèn (sau này gọi là Liên Trì), ông vui vẻ dẫn khách đi, vừa đi vừa nói chuyện trên một đoạn đường dài. Hai người đang đi thì gặp một toán người đi ngược chiều, họ cùng vái chào cụ Thượng, thầy đồ hoảng sợ, xin lỗi rồi rít, cúi xin cụ trở về. Ông chỉ cười và nói: *Có chi mô, giúp người là làm việc thiện, ai cũng nên làm cả.*

Từ những chuyện như thế, dân trong vùng gọi ông là “Thượng Bụt”, ý nói hiền lành như Bụt.

Cụ Lê Kính là thân sinh của Hoàng giáp Lê Hiệu (1617-1680), một người thông minh từ nhỏ. Theo *Văn bia đề danh tiến sĩ khoa Quý Mùi, niên hiệu Phúc Thái năm thứ nhất (1643)* ở Văn Miếu Quốc Tử giám, Hà Nội thì ông là một trong hai người đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp, vì khoa đó không có Đệ nhất giáp), lúc mới 26 tuổi. Sau khi thi đỗ, Lê Hiệu được bổ làm Hàn lâm viện hiệu lý, phụ trách việc hiệu đính, chỉnh lý thư tịch của viện Hàn lâm, sau đó được thăng lên Công khoa cấp sự trung. Mấy năm sau lại được thăng lên Lễ khoa hữu thị lang. Năm Quý Mão (1663), Lê

Huyền Tông lên kế vị lấy niên hiệu là Cảnh Trị, Hoàng giáp Lê Hiệu được cử làm Chánh sứ sang Yên Kinh (tức Bắc Kinh, kinh đô Trung Hoa). Trong chuyến đi sứ này, vua Khang Hy mở cuộc thi văn chương để thử tài sứ thần các nước. Nhà vua trực tiếp chấm bài và Lê Hiệu đạt giải nhất, được phong hàm “*Luồng quốc Tế tướng*”. Ngoài vàng bạc, châu báu, Nhà vua còn tặng ông một bộ quần áo, một cái mũ có đề dòng chữ: “*Đại đầu chân Tế tướng*”. Sau chuyến đi này, ông có viết cuốn sách *Yên Kinh ký* (ghi chép về chuyến đi Yên Kinh) nhưng tác phẩm bị thất lạc, đến nay vẫn chưa tìm thấy.

Sau khi đi sứ về, ông lại có công dẹp giặc yên dân ở Cao Bằng nên được thăng Công bộ Thượng thư tước hầu. Mấy năm sau, lại được thăng Hình bộ Thượng thư, tam đồng Tể tướng. Ông mất năm Canh Ngọ (1680), hưởng thọ 63 tuổi.

Như vậy, hai cha con Lê Kính, Lê Hiệu cùng làm Thượng thư triều Lê - được người đời khen là vinh hiển. Cháu nội cụ Lê Kính là Lê Mai đỗ Giải nguyên (cử nhân võ), khoa Phúc thí ở Bùi Sơn, làm Tổng binh sứ, tước hầu. Đến đời thứ 15, một hậu duệ của ông là Lê Doãn Nhã (1837-1888) cũng đỗ Phó bảng, được bổ làm Tri phủ Hải Dương, sau làm Chánh Sơn Phòng sứ Nghệ An, rồi cùng với tiến sĩ Nguyễn Xuân Ôn lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở vùng bắc Nghệ An trong phong trào Cần Vương.

Cụ Lê Kính mất năm Kỷ Hợi (1659) và được tặng hàm Thiếu Bảo tước Thạc quận công. Cũng theo gia phả thì Nhà vua đã sai quan mang lễ phảm và 150 quan tiền đến điều tang. Trước đó năm 1658, Nhà vua đã có lệnh chỉ: “*Chuẩn cấp cai quản các đội binh dân và số ruộng đất cũng như trâu hương số thuế các hạng đã quy định tại quê nhà thuộc các ấp Viên Sơn, Tràng Sơn, xã Quan Trung, huyện Đông Thành làm bổng lộc để yên tâm làm việc trong vương phủ*”.

Cuộc đời Thượng thư Lê Kính là tấm gương sáng của tinh thần hiếu học, noi

gương người xưa tự học và từ một hoàn cảnh nghèo khó vươn lên thi cử đỗ đạt thành tài. Theo truyền lại thì kể cả khi đã thi đỗ làm quan cũng như lúc nghỉ hưu, ông vẫn say mê sách vở, ban đêm đọc sách không biết mệt mỏi, thực hiện phương châm mà ông thường răn dạy con cháu: sự học là khôn cùng. Thượng thư cũng là một ông quan thanh liêm, đức độ, suốt đời phục vụ quê hương, đất nước, để lại tiếng thơm trong lòng người dân. Ghi nhận công đức của ông, sau khi mất, nhân dân Tràng Sơn đã lập đền và quanh năm hương khói phụng thờ./.

### Chú thích:

<sup>(1)</sup> Tô Tần tên tự là Quý Tử, người đất Lạc Dương thời Chiến quốc. Khi cần tập trung cho việc học, nhất là khi nghiên cứu sách binh pháp của Khương Thái Công ông học suốt ngày đêm, mỗi lúc mệt mỏi buồn ngủ, lại dùng mũi dùi đâm vào đùi mình. Nhờ khổ công học tập sau này trở thành nhà hùng biện nổi tiếng. Ông từng giữ ấn tín tướng quốc sáu nước: Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở trong “hợp tung” chống lại nước Tần.

<sup>(2)</sup> Khuông Hành thời Tây Hán, người Đông Hải, nay thuộc tỉnh Sơn Đông cũng là một tấm gương hiếu học thành tài. Nhà nghèo, không có đèn thắp sáng, tối đến ông phải đục vách để lấy ánh sáng từ nhà bên lọt qua để đọc sách. Lớn lên để có sách đọc, ông nghĩ cách làm thuê cho nhà giàu không lấy tiền công để được mượn sách. Ban ngày làm việc, ban đêm thức đọc sách. Với ý chí kiên trì, ông trở thành học giả nổi tiếng. Về sau làm quan đến chức Tam công, nắm quyền Thừa tướng, có công lớn trong việc chấn hưng quốc gia thời Hán Nguyên đế.

<sup>(3)</sup> Vương Sung sinh năm 27 và mất khoảng năm 97 trước công nguyên (thời Đông Hán), người Cối Kê, nay thuộc tỉnh Chiết Giang. Khi hơn 10 tuổi, cha mẹ nối tiếp nhau qua đời. Sống độc thân, ông vừa chép sách thuê vừa dạy những con cái nhà giàu để tiếp tục học tập, đi sâu nghiên cứu. Đi trên đường khi nào cũng có sách cầm tay: vừa đi vừa học. Về sau được ca tụng là: học vấn uyên thâm, tri thức uyên bác có thể so sánh với Mạnh Tử. Bộ sách *Luận hành* của ông được người đời sau xưng tụng là “*tác phẩm triết học kiệt xuất*”.

### Tài liệu tham khảo:

1. PGS Ninh Viết Giao, *Từ điển nhân vật Xứ Nghệ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2008, trang 288, 289.
2. Phan Bá Hàm, Nguyễn Tâm Căn, Tràng Sơn, *Một làng văn hóa dân gian phong phú*, NXB Văn hóa Thông tin, 2014, trang 43-48.
3. Gia phả họ Lê Doãn Nhã thôn Tràng Sơn, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành viết từ thế kỷ 19 bằng chữ Hán, có bản dịch tiếng Việt theo từng trang (Có chứng nhận của Bảo tàng tỉnh Nghệ An là bản sao Gia phả họ Lê ngày 10/9/1992).
4. Văn bia đề danh tiến sĩ khoa Mậu Thìn niên hiệu Vĩnh Tộ 10 (1628).
5. Văn bia đề danh tiến sĩ khoa Quý Mùi niên hiệu Phúc Thái năm thứ nhất (1643).